



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO MỸ CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ – 5/2000 HƯỚNG TỚI MỘT CỘNG ĐỒNG DÂN CHỦ

TÌM KIẾM SỰ DUNG HÒA GIỮA CHỦ QUYỀN VÀ NHÂN QUYỀN

Bài của Richard Falk

Richard Falk, giáo sư luật quốc tế của trường Đại học Princeton bàn về mối quan hệ phức tạp giữa chủ quyền quốc gia và nhân quyền trong một bài báo nêu lên nhiều vấn đề quan trọng về mức độ nên thúc đẩy dân chủ trên toàn thế giới. Như giáo sư Falk nói, những lựa chọn này hoàn toàn không dễ dàng và cũng chẳng rõ ràng.

Rất khó tách rời vấn đề bảo vệ nhân quyền quốc tế khỏi những thăng trầm của các mối quan hệ giữa các cường quốc lớn. Nhân quyền và đưa con hiếu chiến của nó, "can thiệp nhân đạo", cả hai đều là những yếu tố cốt lõi của địa chính trị sau chiến tranh lạnh. Như vậy, cả việc sử dụng sức mạnh nhân danh chống những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng lẫn từ chối hành động trước những thảm họa nhân đạo đều cho thấy nhân quyền gắn chặt với địa chính trị đương đại như thế nào. Có thể thấy những dẫn chứng cực đoan của việc từ chối hành động qua trường hợp Rwanda (1994), nơi mà các lợi ích chiến lược được cho là quá ít, và trường hợp Chechnya (1999-2000) nơi mà những chi phí và rủi ro nếu tiến hành can thiệp bị cho là quá lớn.

Thường thì đối lập với quốc tế hoá nhân quyền là học thuyết chủ quyền. Xét theo bề ngoài, dường như học thuyết này không cho phép bên ngoài áp đặt các tiêu chuẩn nhân quyền lên một quốc gia. Những quốc gia mà gần đây vẫn còn là các nước thuộc địa, cũng như những nước thường xuyên phải chịu sự can thiệp bên ngoài thường có xu hướng muốn nhân quyền phải được thực hiện phù hợp với những khái niệm chặt chẽ về chủ quyền. Bằng việc thông qua điều 2(7) quy định rằng Liên Hiệp Quốc không được can thiệp vào những vấn đề cơ bản nằm trong phạm vi quyền lực pháp lý của các nước thành viên, Hiến chương Liên Hiệp Quốc dường như cũng khẳng định với các thành viên rằng tổ chức này sẽ không phản đối các mối quan hệ nội bộ về xã hội hay nhà nước cho dù tình trạng lộn xộn hay vi phạm xảy ra tới mức độ nào đi nữa, ít nhất là khi chúng không gây đe dọa gì đối với hòa bình và an ninh quốc tế.

Tầm quan trọng ngày càng tăng của đặc tính nhân quyền

Trong khi đó, sự rộ lên các cuộc truy tố nghiêm túc về vi phạm nhân quyền ở cấp khu vực và toàn cầu là thành tựu quan trọng nhất về khía cạnh đạo đức trong thế kỷ vừa qua. Quan niệm căn bản cho rằng các chính phủ cần hành động trong những giới hạn đã được quy định - rằng ngay cả các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự cũng có thể phải chịu trách nhiệm về hành động của mình nếu những hành động đó gây ra tội ác chống nhân loại và vi phạm nhân quyền nghiêm trọng là những biến chuyển mang tính cách mạng. Những tiêu chuẩn quốc tế mới này và việc thực hiện những tiêu chuẩn đó rõ ràng đang thách thức quan điểm cho rằng chủ quyền có thể giúp một chính phủ khỏi phải chịu trách nhiệm về hành động của mình chừng nào những hành động đó còn nằm trong giới hạn lãnh thổ của chính phủ đó, và

rằng các nhà lãnh đạo được hưởng quyền miễn tố trên toàn thế giới. Việc truy lùng những nhân vật uy quyền như tổng thống Nam tư Slobodan Milosevic và cựu Tổng thống Chilê Augusto Pinochet cho thấy rằng những người phải chịu trách nhiệm vì đã gây ra các thảm họa cho dân chúng không còn bất cứ một chốn an toàn nào để ẩn náu trên thế giới này nữa. Nỗ lực thành lập một tòa án tội phạm quốc tế thường trực theo Hiệp ước Roma 1998 là nhằm tạo ra một nền tảng tổ chức vững chắc để mở rộng trách nhiệm quốc tế.

Có lẽ điều đáng chú ý nhất là tầm quan trọng của nhân quyền được tạo ra từ những áp lực của các nhà hoạt động trong xã hội dân sự. Sự nổi lên của các tổ chức phi chính phủ (NGO) về nhân quyền thể hiện những phương thức hành động chính trị mới xuyên quốc gia. Những phương thức này dựa vào các mạng lưới, các chuẩn mực, sự tiếp cận thông tin và các phương tiện truyền thông đại chúng như là những công cụ thuyết phục để thách thức sức mạnh đàn áp cố thủ của các quốc gia. Đôi khi những thách thức này trở thành tương đồng với các áp lực địa chính trị như là trường hợp ủng hộ nhân quyền ở các nước thuộc khối Liên Xô cũ và hiện nay là ở Trung Quốc. Hệ tư tưởng chiến tranh lạnh và việc thúc đẩy nhân quyền đã trở thành tương đồng, đặc biệt trong những năm 80. Tuy nhiên, như Noam Chomsky và những người khác đã chỉ ra, hai yếu tố này cũng nhiều khi bất đồng với nhau, khi những ưu tiên địa chính trị cho phép người ta tiến hành các cuộc can thiệp ủng hộ chính phủ độc tài, có hại cho nhân quyền. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp liên quan đến các nước thế giới thứ ba, nhất là ở khắp châu Mỹ La-tinh trong kỷ nguyên chiến tranh lạnh, với các cuộc can thiệp liên tiếp như ở Guatemala (1954), Cộng hòa Dominicana (1965), Chilê (1973) và Nicaragua và El Salvador (trong những năm 80). Dạng ủng hộ tương tự của phương Tây đối với các chế độ độc tài ở châu Á và châu Phi cũng khá rõ ràng.

Điểm chính yếu ở đây là chủ quyền và nhân quyền gắn bó với nhau theo những cách phức tạp và đối nghịch nhau. Chủ quyền có thể đóng vai trò tấm lá chắn và là cái cớ để một chính phủ có những hành động lạm dụng đối với các công dân của mình. Nhưng đồng thời nó lại cũng bảo vệ một chính phủ tiến bộ, cam kết thúc đẩy thịnh vượng kinh tế, xã hội và văn hoá của nhân dân nước mình chống lại những can thiệp mang động cơ địa chính trị hòng gây áp lực với một nước yếu hơn. Do bản chất hai mặt này của chủ quyền, với nhiều dạng biến thể khác nhau, những vấn đề về quan hệ giữa chủ quyền và nhân quyền trong nhiều trường hợp cụ thể cần được xem xét trong bối cảnh rộng hơn. Trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội quốc tế, chủ quyền có thể phục vụ hoặc chống lại nhân quyền tùy vào từng hoàn cảnh.

Sự tiến hóa của phong trào nhân quyền

Có một câu hỏi lớn, rất khó trả lời là tại sao các quốc gia có chủ quyền lại tham gia tạo nên một khuôn khổ pháp lý mà bản chất của nó là phá hoại quyền tối cao về lãnh thổ - dấu ấn đặc trưng của trật tự thế giới kỷ nguyên Westphalia (1648). Trong thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới II, bắt đầu với Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền và Công ước về Tội Diệt chủng, động lực lật đổ này mới được phát kiến. Câu hỏi trên có thể được giải thích bằng hai cách bổ sung cho nhau: trước hết, ý thức về bối cảnh lịch sử xung quanh sự tàn bạo của Đức quốc xã đã gây áp lực buộc phải tạo ra những điều kiện nhằm ngăn chặn những hành động như vậy lặp lại trong tương lai. Một phần cũng do ý thức này nên những gì mà chế độ Quốc xã đã gây ra cho công dân của mình đã tạo nên một phản ứng thụ động như vậy từ phía các nền dân chủ tự do phương tây, làm cho họ tự hứa rằng sẽ không bao giờ để điều này lặp lại nữa. Quyết tâm đó có liên quan tới quan niệm căn bản cho rằng những gì chính phủ một nước có thể làm đối với người dân sống trong biên giới nước đó đều có giới hạn. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì việc cụ thể hoá các quyền cơ bản của con người đã dẫn đến việc cụ thể hoá những giới hạn của toàn thế giới đối với quyền tối cao về lãnh thổ. Điều này thể hiện mặc cảm tội lỗi của phương Tây sau năm 1945 kết hợp với các giá trị cải cách và lý tưởng - những cơ sở hợp lý về tư tưởng cho cuộc chiến tranh vừa mới kết thúc.

Cũng có một cách giải thích thứ hai là xét đến yếu tố trung hoà. Thế giới năm 1945 vẫn là một thế giới lấy nhà nước làm trung tâm với những ý kiến rất khác nhau về cách tổ chức các mối quan hệ nhà nước và xã hội. Đó cũng là một thế giới được đặc trưng bởi những hoàn cảnh vật chất hoàn toàn khác nhau. Những khác biệt như vậy có thể nằm ngay dưới nhận thức chính trị sau chiến tranh thế giới thứ II, nhưng đã âm ỉ tồn tại từ trong chiến tranh. Do đó, chiến tranh lạnh, với trục Đông - Tây và cuộc chiến đấu chống thực dân với những căng thẳng Bắc - Nam càng làm sâu sắc thêm sự thiếu nhất trí trong xã hội quốc tế.

Do đó ngay từ đầu, khả năng thực hiện nhân quyền đã trực trặc. Không có một cơ chế bắt buộc nào gắn với việc hình thành một khuôn khổ nhân quyền cả. Quyền lực thực sự vẫn là ở cấp nhà nước. Trên thực tế, vấn đề nhân quyền nổi lên được hoàn toàn do yếu tố chính trị bởi vì vào thời điểm đó người ta hiểu là sẽ không có cơ chế nào để thực hiện nhân quyền cả. Ngay cả các quốc gia chuyên chế cũng chẳng thấy có vấn đề gì khi tán thành những chuẩn mực đã được đặt ra bởi vì thực sự chẳng có cơ hội nào để duy trì các chuẩn mực đó. Như vậy, lật đổ chủ quyền chỉ là vẻ bên ngoài nhiều hơn là thực chất.

Tuy nhiên, cùng với thời gian, cách hiểu này cũng thay đổi: Trong một số bối cảnh quan trọng, tính chất lật đổ trở thành thực chất chẳng kém gì vẻ bên ngoài. Có một vài yếu tố giải thích cho chiều hướng không dự đoán được của các sự kiện này. Việc xuất hiện của các tổ chức phi chính phủ xuyên quốc gia hoạt động hữu hiệu vì mục đích thúc đẩy và thực hiện nhân quyền đã đưa một nhân tố chính trị mới, phi nhà nước vào vũ đài quốc tế. Với các chuẩn mực nhân quyền đã được các chính phủ hợp pháp hoá, khó có thể coi nhẹ tất cả các yêu sách đòi thực hiện nhân quyền của các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt khi có thêm những chống đối từ các cấp cơ sở đối với sự thống trị áp bức, và khi người ta nhận thức được về sự vi phạm nhân quyền nhờ các phương tiện truyền thông toàn cầu đang ngày một quan tâm tới vấn đề này. Chủ quyền trên thực tế đã bị xâm nhập, ít nhất theo nghĩa là tấm lá chắn bảo vệ người ta khỏi phải chịu trách nhiệm quốc tế đã phần nào không phát huy được tác dụng. Như đã nêu ở phần trước, tính hiệu quả của sự xâm nhập này được thúc đẩy tới mức nó trở nên tương đồng với các cuộc đấu tranh về hệ tư tưởng đang diễn ra: Phương Tây đã cùng với các tổ chức phi chính phủ gây áp lực lên các nước thuộc khối Xô Viết, đặc biệt sau khi có Hiệp định Helsinki năm 1975, trong khi thế giới thứ ba tận dụng Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc và Phong trào Không Liên kết của mình để có thêm sức mạnh chính trị cho việc thúc đẩy quyền tự quyết cũng như cho những cuộc đấu tranh chính nghĩa chống ách thực dân. Quá trình đấu tranh chống ách thực dân đã kết thúc bằng chiến dịch chống A-pac-thai. Chiến dịch này đã tạo nên một bầu không khí chuẩn mực có lợi cho nhân quyền đến nỗi trong những năm 80, nó thắng được cả xu hướng của các nhà lãnh đạo bảo thủ như Ronald Reagan và Margaret Thatcher, những người kiên quyết bảo vệ cho các lợi ích kinh tế, chính trị của Mỹ và Anh mà để có những lợi ích này họ lại muốn giữ nguyên hiện trạng. Trong những trường hợp mà ai cũng biết như sự sụp đổ của khối Xô Viết (và kết thúc chiến tranh lạnh), thắng lợi của việc phi thực dân hoá, sự thất bại của chủ nghĩa A-pac-thai ở Nam Phi, thì sự ủng hộ nhân quyền trên phạm vi quốc tế đã góp phần vào những kết quả thực chất có tầm quan trọng lịch sử và được hoan nghênh rộng rãi. Những tính toán hiện thực đã không dự đoán trước được một thành tựu nào trong số này được cả.

Quy mô của phong trào nhân quyền

Trên cơ sở này, những vấn đề mang tính khái niệm nổi lên rõ ràng hơn và gắn với cả hai cực của vấn đề, ảnh hưởng tới quan niệm về chủ quyền cũng như sự hiểu biết của chúng ta về nhân quyền. Về vấn đề chủ quyền, có hai cách hiểu quan trọng: Theo quan điểm phổ biến, chủ quyền là một trạng thái và điều kiện thống trị liên quan tới khái niệm quyền tối cao về lãnh thổ. Khái niệm này coi việc áp đặt thực hiện nhân quyền là đối nghịch với chủ quyền. Nhưng nếu ta hiểu chủ quyền là vốn có nhân dân, khái niệm chủ quyền toàn dân có nguồn gốc lịch sử từ cuộc Cách mạng Pháp thì trong nhiều tình huống, việc thực hiện nhân quyền chính xác là một kế hoạch chính trị được người thống trị đất nước tán thành (nói cách khác là được dân tán thành). Ngay cả nếu chủ quyền gắn với nhà nước, đặc biệt là nhà nước dân chủ, như là một đại diện của dân thì vẫn có thể coi chủ quyền như là các quyền và nghĩa vụ có thể bị các cơ quan hoạch

định luật pháp của nhà nước biến đổi đi. Do đó có khả năng sự chấp nhận nhân quyền, ngay cả trong trường hợp có thể phải chịu một số trách nhiệm quốc tế, là việc thực hiện chủ quyền theo những điều kiện đương thời. Quan điểm như vậy có vẻ rất phù hợp trong khuôn khổ bảo vệ nhân quyền ở khu vực châu Âu thông qua Tòa án Nhân quyền, và trong một phạm vi hẹp hơn, trong khuôn khổ Tòa án Nhân quyền Liên Mỹ. Trên thực tế việc chấp nhận trách nhiệm quốc tế về nhân quyền xảy ra trong bối cảnh các quốc gia dân chủ tìm cách bảo vệ cho tương lai dân chủ và tự do khỏi sự tấn công của chính các lực lượng chống dân chủ và chống tự do trong đất nước mình. Như vậy là chủ quyền đã phải từ bỏ một biện pháp kiểm soát lãnh thổ để đổi lấy sự đảm bảo chắc chắn hơn rằng bầu không khí chính trị tốt đẹp của quốc gia và khu vực sẽ được duy trì trong tương lai. Ví dụ, và chắc chắn rằng để thể hiện chủ quyền, có thể chấp nhận từ bỏ chọn lựa của nội bộ của việc cai trị đất nước theo kiểu phát-xít. Phản ứng đối với việc đưa đảng Tự do của Jorg Haider vào liên minh cầm quyền của Áo đã thử thách sức mạnh tương đối của hai quan niệm đối nghịch nhau về chủ quyền này. Một bên là những ý kiến cho rằng kết quả bầu cử và quá trình đàm phán giữa các đảng phái của Áo là vấn đề chỉ nước Áo mới có quyền quyết định, không hề có giới hạn nào hết. Bên kia là quan điểm cho rằng các chính phủ trong Liên minh Châu Âu đã chấp nhận những giới hạn về trật tự công cộng trong nước dựa trên những cam kết chung về dân chủ và nhân quyền, và rằng sự có mặt của Haider trong chính phủ sẽ tổn hại đến cam kết đó.

Hiện đang diễn ra một cuộc tranh luận không kém phần quan trọng về phạm vi và tính chất của nhân quyền. Nếu tiếp cận vấn đề phạm vi của nhân quyền từ góc độ các văn bản luật quốc tế thì chắc chắn phải đưa vấn đề quyền tự quyết và phạm vi các quyền về kinh tế, xã hội, văn hoá vào Hiệp ước về Nhân quyền. Nhưng nếu xét đến khía cạnh chính trị xuyên quốc gia của nhân quyền thì phạm vi của nhân quyền chủ yếu bao gồm các quyền chính trị và dân sự và chỉ có một phần nhỏ cho các quyền như đã nêu trong trường hợp trên. Mãi tới gần đây khái niệm hẹp này về nhân quyền mới được xem xét kỹ.

Nước Mỹ với vấn đề nhân quyền

Sự lẫn lộn về khái niệm này có liên quan tới quan điểm của chính phủ Mỹ về nhân quyền. Hơn bất cứ chính phủ nào khác, chính phủ Mỹ gắn chính sách đối ngoại của mình với cam kết đối với nhân quyền. Quan điểm này đạt tới đỉnh điểm vào những năm đầu của thời tổng thống Carter. Chính phủ Mỹ là chính phủ duy nhất công bố báo cáo hàng năm về tình hình nhân quyền (hiểu theo nghĩa hẹp) của những nước nhận viện trợ kinh tế nước ngoài. Đây là một nghĩa vụ pháp lý nội bộ mà Quốc hội Mỹ buộc cơ quan hành pháp phải thực hiện. Trong khi đó, Mỹ lại chậm chính thức chấp nhận các nghĩa vụ bắt buộc của một số hiệp ước chính về nhân quyền, viện dẫn những khó khăn phát sinh từ cơ cấu liên bang của mình, từ sự nghi ngờ mang tính lịch sử đối với các bang miền Nam và từ sự khẳng định rằng sự ổn định và chất lượng của trật tự chính trị dân chủ của Mỹ không cần đến bất cứ hỗ trợ nào từ bên ngoài. Tuy nhiên rõ ràng là trong sâu xa, quan điểm chủ quyền lãnh thổ chính là cái làm cho chính phủ và nhân dân Mỹ không thích có bất cứ một sự đánh giá nào của bên ngoài. Có thể dẫn chứng một việc mới xảy ra gần đây: một cuộc điều tra khá bình thường của Uỷ ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc về án tử hình ở Mỹ đã gây ra một làn sóng công phẫn mạnh mẽ từ một số khu vực trong nước Mỹ.

Cuối cùng, còn một vấn đề là Liên Hiệp Quốc đã dịch chuyển cán cân giữa tôn trọng chủ quyền và bảo vệ nhân quyền như thế nào. Tất cả những vị Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc gần đây đều ủng hộ cách tiếp cận mang tính can thiệp hơn. Điều này làm giảm bớt những giới hạn mà pháp luật của từng quốc gia đặt ra đối với quyền lực của Liên Hiệp Quốc. Vấn đề này được đặt ra gay gắt nhất trước những dạng vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, đòi hỏi phải có "can thiệp nhân đạo" do Liên Hiệp Quốc đỡ đầu. Những ví dụ gần đây về trường hợp Rwanda, Bosnia, Kosovo và Chechnya thể hiện cả nhu cầu mạnh mẽ cần can thiệp, lẫn những hạn chế về địa chính trị đối với hành động can thiệp. Trong những điều cần tính đến, có những yếu tố sau: Khả năng giải quyết tình huống với rủi ro ở mức độ chấp nhận được đối với bên can thiệp; mức độ cam kết đối với hạnh phúc của các nạn nhân - những người liên quan tới mối quan hệ giữa bên can thiệp và xã hội bị can thiệp; cuối cùng là các dạng và mức độ sâu sắc của những lợi ích bị đe dọa. Từ góc độ như

vậy, có thể dễ dàng thấy mức độ nhiệt tình chính trị thấp ở những trường hợp liên quan tới Rwanda (nơi không có lợi ích của Mỹ) và ở Chechnya (nơi rủi ro quá cao), trong khi có thể thấy mức độ nhiệt tình chính trị cao trong trường hợp liên quan tới Bosnia, hay thậm chí còn nhiệt tình hơn trong trường hợp Kosovo (các yếu tố được xem xét là: khu vực láng giềng của châu Âu, lo ngại chiến tranh Ban-căng lan rộng, động viên công luận, khả năng của NATO sau chiến tranh Lạnh).

Kết luận

Rõ ràng là những ý nghĩa đã được chấp nhận nhưng rất khác nhau của khái niệm chủ quyền và nhân quyền đã tạo ra sự không rõ ràng, cho phép các chủ thể chính trị với những giá trị và mục đích trái ngược nhau sử dụng bất cứ một cực nào hay cả hai cực của khái niệm này làm công cụ phục vụ mục đích của mình. Cần hiểu rõ những xu hướng này trong quan hệ quốc tế mà không bỏ qua ba xu hướng thực tế chủ đạo: thứ nhất là sự nổi lên của vấn đề nhân quyền dưới nhiều hình thức trên phạm vi quốc tế và xuyên quốc gia như một mảng vấn đề ngày càng quan trọng; thứ hai là quá trình phi lãnh thổ hoá đời sống chính trị đang diễn ra mạnh mẽ, làm mờ nhạt dần giá trị thực tế của các đường biên giới; thứ ba là trong kỷ nguyên hậu thực dân, các quốc gia có khả năng lớn hơn trong việc bảo vệ an ninh lãnh thổ của mình khi phải đối mặt với hình thức ngoại giao ngăn chặn. (Hầu hết các nước đều đang thực sự có chủ quyền quốc gia, kể cả các nước thuộc thế giới thứ ba).

Một phần khó hiểu trong những bài giảng về chủ quyền và nhân quyền nảy sinh từ việc không phân biệt được sự khác nhau giữa chính trị tượng trưng với chính trị thực sự hay chính trị thực dụng. Về khía cạnh tượng trưng thì chủ quyền có liên quan chặt chẽ với việc khẳng định "bản thể" gắn với quyền tự quyết và nền chính trị mang bản sắc riêng, được thực hiện trong một quốc gia có chủ quyền. Trên cơ sở những giá trị và các lợi ích chung, tính tượng trưng này không đối nghịch với những mối quan hệ đa dạng với các chủ thể bên ngoài. Đây cũng là một cách thực hiện chủ quyền mặc dù cách này có thể làm hạn chế quyền tự quyết của một quốc gia. Cũng tương tự với vấn đề nhân quyền. Tính tượng trưng của nhân quyền có thể liên quan tới định hướng tư tưởng, trong khi về thực chất, thực hiện nhân quyền có thể đe dọa các cấu trúc đặc quyền và thống trị vững chắc về xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá.

Vì tất cả những lý do này, cần chấm dứt cuộc tranh luận về chủ quyền và nhân quyền có liên quan tới chủ thể, khách thể và mục đích, có nghĩa là xác định yêu sách, các bên liên quan, lợi ích và giá trị trong từng bối cảnh. Làm như vậy tuy vấn đề vẫn còn phức tạp nhưng ít ra sẽ bớt được xu hướng tranh luận theo kiểu lôi kéo, vận động, gây cản trở cho sự tương hỗ tự nhiên của các thế lực và làm ta không thể đánh giá được những hậu quả của những chiều hướng hành động khác.

Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0500/ijde/falk.htm>